TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 286/2019/DS-PT
Ngày: 10/4/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai
Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Đắc Phú
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLPT-DS ngày 07/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 482/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 970/2019/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1482/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Cao A, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 127/23 Đường P, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1936;
Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1956
Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 102 K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Kim J, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 93 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Kim J, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 93 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/12/2018.

NHẬN THẤY

Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai, nguyên đơn, ông Phạm Cao A trình bày như sau:

- Ngày 10/01/2014, ông Phạm Cao A cho bà Phạm Thị H vay số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, bà H đã thế chấp cho ông A bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2696/2003 ngày 07/11/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Q cấp cho ông Nguyễn Ngọc Tước và bà Phạm Thị H đối với căn nhà số 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng vay tiền được lập tại nhà bà H dưới hình thức là "Giấy thế chấp nhà" do bà con gái của bà H là bà Nguyễn Thị Kim J viết, khi đó bà H và hai con gái của bà H là Nguyễn Thị Kim J và Nguyễn Thị Kim X đều có mặt nhưng bà H và bà X không ký tên trên Giấy thế chấp nhà, chỉ có bà J ký tên làm chứng. Do bà H lớn tuổi nên ông A đã giao số tiền này cho bà J và bà X nhận thay cho bà H.

- Ngày 13/02/2014, ông A có cho bà Nguyễn Thị Kim X vay số tiền 30.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả , bà X nhận tiền và ký nhận.

- Ngày 15/4/2014, bà Nguyễn Thị Kim X vay tiếp của ông A số tiền 10.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả, bà X nhận tiền và ký nhận.

- Ngày 07/5/2014, bà Nguyễn Thị Kim X vay tiếp của ông A số tiền 40.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả, bà X nhận tiền và ký nhận.

- Ngày 01/7/2014, ông A có cho bà Nguyễn Thị Kim J vay số tiền 100.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả, bà J nhận tiền và ký nhận.

- Ngày 02/9/2014, bà Nguyễn Thị Kim J vay tiếp của ông A số tiền 100.000.000 đồng, không quy định thời hạn trả, bà J nhận tiền và ký nhận.

- Ngày 22/01/2016 bà X vay tiếp của ông A số tiền 100.000.000 đồng. Ông A chỉ đồng ý cho bà X vay tiếp nếu bà Phạm Thị H ký nhận nợ tất cả số nợ của bà và của bà J, bà X từ trước đến giờ là 600.000.000 đồng. Vì thế bà H đã đồng ý ký giấy nhận nợ với số tiền nợ tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Tất cả những lần cho bà H, bà J và bà X vay tiền như trên đều với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Sau khi ký nhận việc vay tiền, phía bà H đã không thực hiện trả nợ nên đến ngày 07/7/2016, ông A đã lập Thông báo đòi nợ và đã gửi cho bà H nhưng bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ như thông báo.

Ông A cho biết, trước khi bà H ký xác nhận toàn bộ số nợ 600.000.000 đồng vào ngày 22/01/2016 thì trong thời gian đầu bà X có trả cho ông A mấy kỳ tiền lãi, lãi suất 3%/tháng. Thời gian sau thì bà X không trả lãi nữa. Ông A không nhớ chính xác số tiền lãi mà bà X đã trả là bao nhiêu, chỉ khoảng 30.000.000 đồng và không có giấy tờ gì để chứng minh.

Ông A xác định hiện nay đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của bà H đối với căn nhà số 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q. Ông A sẽ trả lại cho bà H giấy tờ trên ngay sau khi bà H trả hết tiền nợ cho ông A.

Nay ông A khởi kiện, yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ 600.000.000 đồng và tiền lãi là 151.800.000 đồng, tổng cộng là 751.800.000 đồng. Ông A chỉ yêu cầu một mình bà H có trách nhiệm trả lại số tiền, việc trả nợ này không còn liên quan đến bà X và bà J. Yêu cầu bà H trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi bà H trả hết nợ cho ông A thì ông A sẽ trả lại giấy tờ nhà cho bà H.

Phía ông A tự nguyện cấn trừ 30.000.000 đồng tiền lãi đã nhận vào tiền nợ gốc, chỉ yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng. Yêu cầu bà H trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông A cũng sẽ trả lại giấy tờ nhà cho bà H ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông A tự nguyện không yêu cầu bà H trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng

Bị đơn, bà Phạm Thị H, do bà Võ Thị Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đ thừa nhận chữ ký tên "Hoa" phía dưới dòng chữ: "Tổng cộng số nợ là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng)" tại "Giấy thế chấp nhà" do phía ông Phạm Cao A cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà Phạm Thị H. Tuy nhiên, việc bà H ký là do bà X đưa ký chứ bà H già yếu, không biết chữ và không biết nội dung đó là gì. Toàn bộ số tiền nợ này là do bà Nguyễn Thị Kim X đã vay của ông A. Bà H hoàn toàn không biết việc giữa bà X và ông A vay tiền như thế nào. Nay bà X phải là người có trách nhiệm trả nợ cho ông A chứ không phải bà H. Việc thế chấp giấy tờ nhà cho ông A là do bà X đã tự ý làm tại lúc vay tiền chứ bà H không biết.

Nay ông A yêu cầu bà H trả số tiền nợ 600.000.000 đồng thì bà H không chấp nhận, trách nhiệm trả nợ là của bà Nguyễn Thị Kim X. Bà H yêu cầu ông A phải trả lại giấy tờ nhà cho bà H.

Phía bà H xác định bà Nguyễn Thị Kim J không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, trách nhiệm trả nợ cho ông A là của bà X.

Bà H yêu cầu ông A phải trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của bà H đối với căn nhà này vì việc bà X tự ý đem giấy tờ nhà thế chấp cho ông A để vay mượn tiền là không được sự đồng ý của bà H và các thành viên trong gia đình, việc thế chấp này là không hợp pháp. Bà H yêu cầu ông A phải trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Bà X thừa nhận tất cả số tiền nợ 600.000.000 đồng theo "Giấy thế chấp nhà" mà ông A cung cấp cho Tòa án là tiền nợ của cá nhân bà X đối với ông A. Những lần bà Nguyễn Thị Kim J ký nhận nợ vào các ngày 01/7/2014 và 02/9/2014 là bà J đã ký nhận nợ thay cho bà X. Bà X cho biết "Giấy thế chấp nhà ngày 10/01/2014" được lập tại nhà của bà X tại Quận 6, không có sự chứng kiến của bà H. Việc thế chấp giấy tờ nhà cho ông A là do bà X đã tự ý làm tại lúc vay tiền chứ bà H không biết. Bà H ký nhận tổng số tiền nợ là 600.000.000 đồng chỉ để cho ông A tin tưởng và cho tôi mượn thêm tiền, trên thực tế bà H không có vay tiền của ông A mà bà X mới là người vay. Nay bà X thừa nhận bản thân bà mới là người có trách nhiệm trả nợ cho ông A, không liên quan đến bà H và bà J. Nay bà X đồng ý sẽ trả lại toàn bộ số tiền nợ trên cho ông A trong thời hạn một năm.

Bà X cho biết, trong quá trình vay của ông A, thời gian đầu bà X có trả những khoản tiền lãi cho ông A, bà X không nhớ đã trả lãi trong thời hạn bao lâu, không nhớ rõ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, bà X không có chứng cứ gì để chứng minh cho những số tiền lãi đã trả. Những khoản tiền lãi mà bà Xđã trả cho ông A là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà X và ông A, nay bà X không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết lại về những khoản tiền lãi mà bà X đã trả đối với ông A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim J trình bày: Bà J thừa nhận vào các ngày 01/7/2014 và 02/9/2014, bà J đã ký nhận nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim X, mỗi lần 100.000.000 đồng theo "Giấy thế chấp nhà" mà ông A cung cấp cho Tòa án. Bà J xác định nghĩa vụ trả nợ cho ông A là của bà X, không liên quan đến bà J.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông T xác định không có liên quan đến việc tranh chấp vay mượn tiền giữa ông Phạm Cao A và bà Phạm Thị H. Việc giải quyết vấn đề trả nợ như thế nào và ai là người sẽ có trách nhiệm trả sẽ do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Ngọc K, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim U, bà Nguyễn

Thị Kim N, bà Nguyễn Thị Kim J và bà Nguyễn Thị Kim X theo các Giấy ủy quyền lập ngày 04/10/2010 tại Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn ủy quyền là 10 năm về việc những người trên đã ủy quyền cho ông được quyền quản lý đối với căn nhà 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q thì ông T yêu cầu ông A phải trả lại cho bà H và các thành viên trong gia đình bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của bà H đối với căn nhà này vì việc bà X tự ý đem giấy tờ nhà thế chấp cho ông A để vay mượn tiền là không được sự đồng ý của ông T và các thành viên trong gia đình, việc thế chấp này là không hợp pháp. Ông T yêu cầu ông A phải trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim J, với tư cách là người làm chứng trình bày: Bà J xác định "Giấy thế chấp nhà ngày 10/01/2014" đã được lập tại nhà của bà X tại Quận 6, không có sự chứng kiến của bà H. Nội dung ghi ông A cho bà H vay tiền nhưng trên thực tế là Phượng đã vay và nhận tiền chứ không phải bà H, trách nhiệm trả nợ là của bà X. Việc thế chấp giấy tờ nhà cho ông A là do bà X đã tự ý làm tại lúc vay tiền chứ bà H không biết.

Tại bản án sơ thẩm số 482/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Cao A về việc yêu cầu bà Phạm Thị H trả nợ.

2. Buộc bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Cao A số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng). Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Phạm Thị H chậm trả tiền thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trả tiền lãi của ông Phạm Cao A đối với bà Phạm Thị H.

4. Ông Phạm Cao A có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2696/2003 ngày 07/11/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Q cấp cho ông Nguyễn Ngọc Tước và bà Phạm Thị H đối với căn nhà số 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

5. Về án phí: Do bà Phạm Thị H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Cao A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.036.000 đồng (mười bảy triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003307 ngày 21/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 11/12/2018, bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện có đơn kháng cáo.

Ngày 11/12/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo.

Ngày 26/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 482/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn bà Phạm Thị H phải trả toàn bộ số tiền nợ là 600.000.000 đồng cho ông Phạm Cao A là không có cơ sở.

Đồng thời, tuyên bà Phạm Thị H chậm trả tiền thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 482/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng như trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút kháng nghị.

Nguyên đơn ông Phạm Cao A yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện kháng cáo cho rằng quyết định của Tòa án sơ thẩm là chưa khách quan không đúng quy định của pháp luật không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử lại không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Cao A buộc bà Phạm Thị H phải trả tổng cộng số nợ là 600.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo cùng thống nhất với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện và về giao dịch thế chấp giấy tờ nhà 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh là không hợp pháp, yêu cầu ông Phạm Cao A trả lại cho gia đình tôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim X cùng thống nhất với ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát sửa bản án dân sự sơ thẩm số 482/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Cao A và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện, đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T cùng Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện, đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào giấy thế chấp nhà ngày 10/01/2014 (bút lục 60,61) thể hiện:

Khoản vay số tiền 220.000.000 đồng lãi suất 3%/tháng vào ngày 10/01/2014 bà Phạm Thị H là người thế chấp không ghi rõ ai vay, chỉ có chữ ký của bên cho vay và nhân chứng là bà Nguyễn Thị Kim J, không có chữ ký của chủ thể chấp và cũng không có chữ ký của bà H trong giấy này.

Đến năm 2016, bà Nguyễn Thị Kim X ký tên nhận tiền của ông Phạm Cao A ba lần tổng cộng 80.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2014 và ngày 02/9/2014 bà Nguyễn Thị Kim J ký tên nhận tiền của ông Phạm Cao A hai lần tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Lần cuối cùng ngày 22/01/2016 ông Phạm Cao A tự ghi "giao bà Phạm Thị H 100.000.000 đồng" cuối cùng là chữ ký của bà Phạm Thị H và chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim X. Và ghi rõ họ tên của bà Nguyễn Thị Kim X.

Đồng thời, tại các lời khai của ông A, bà H, bà J và bà X thì bà H không trực tiếp nhận tiền của ông A bất kỳ một lần nào trong số bảy lần nhận tiền nêu trên, lần cuối cùng bà X vay nhưng ông A yêu cầu bà H ký tên thì mới cho vay nên mới có chữ ký của bà H.

Phía bà H, bà J và bà X đã trình bày toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng là bà X vay của ông Phạm Cao A, những lần bà J nhận tiền của ông A là nhận dùm cho bà X.

Như vậy, tất cả bảy lần ký tên nhận tiền đều không có chữ ký của bà H, lần cuối cùng bà H ký tên bên cạnh chữ ký của bà X, phía dưới dòng chữ "tổng cộng nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng)" do bà X viết những nội dung dòng chữ này, chỉ có nghĩa tổng cộng số nợ, không ghi rõ ai nợ và không có nghĩa là bà H nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 600.000.000 đồng này.

Trong vụ án này, không có chứng cứ bằng lời nói hoặc bằng văn bản chứng minh việc bà X chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho bà H theo quy định tại Điều 316 Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó án sơ thẩm xử buộc bà H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 600.000.000 đồng cho ông Phạm Cao A là không có cơ sở.

Song, tại đơn khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản không ngày tháng năm 2016 thể hiện ông Phạm Cao A khởi kiện bà Phạm Thị H yêu cầu trả số nợ vốn là 600.000.000 đồng và trả số lãi là 151.800.000 đồng.

Như đã phân tích ở phần trên, người ký tên nhận tiền nợ vay của ông Phạm Cao A là bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị Kim J không phải là bà Phạm Thị H, nên việc ông A khởi kiện buộc bà Phạm Thị H phải trả số nợ vay 600.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Tòa sơ thẩm, ông Phạm Cao A chỉ yêu cầu bà Phạm Thị H trả số nợ còn thiếu 600.000.000 đồng trừ 30.000.000 đồng tiền lãi đã nhận còn trả lại nợ vốn vay là 570.000.000 đồng, không yêu cầu bà H trả tiền lãi còn thiếu đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Việc thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 122/32 đường Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do ông A đang giữ là bất hợp pháp vì việc thế chấp giấy tờ nhà này không được các đồng thừa kế đồng ý, không đúng trình tự và thủ tục quy định của pháp luật nên Tòa sơ thẩm buộc ông Phạm Cao A có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị H là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Cao A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị

đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Cao A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm do sửa án nên đương sự không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009,

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H do bà Võ Thị Đ đại diện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 482/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Cao A về việc yêu cầu bà Phạm Thị H phải trả số nợ vay là 570.000.000 đồng.

Ông Phạm Cao A có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2696/2003 ngày 07/11/2003 do Ủy ban nhân dân Quận Q cấp cho ông Nguyễn Ngọc Tước và bà Phạm Thị H đối với căn nhà số 122/32 Đường B (nối dài), Phường G, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Cao A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009516 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị H (có bà Võ Thị Đ đại diện nộp) số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009515 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q - Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuyết Mai